

SỰ DỤNG HỆ THỐNG BÀI TẬP NHƯ MỘT PHƯƠNG TIỆN HỮU HIỆU TRONG VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP

USING EXERCISE SYSTEM AS AN EFFECTIVE WAY OF FORMING AND DEVELOPING COMMUNICATIVE COMPETENCE

Nguyễn Văn Tự

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; hucfl_dpa@yahoo.com

Tóm tắt - Trong những năm gần đây phương pháp hiện đại dạy - học ngoại ngữ đã khẳng định quan điểm giao tiếp - cá thể hóa là quan điểm chủ đạo của dạy - học ngoại ngữ và mục đích cơ bản của việc dạy - học là nắm vững và sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện giao tiếp, hay nói cách khác, cái đích cuối cùng của dạy - học ngoại ngữ là năng lực giao tiếp. Không phải ngẫu nhiên mà giáo học pháp ngoại ngữ đã khẳng định: Mục đích cơ bản, mục đích cuối cùng của việc dạy - học ngoại ngữ đối với bất kỳ đối tượng nào là hình thành và phát triển ở người học một năng lực giao tiếp. Thực tiễn đã cho thấy điều đó là hiển nhiên. Như vậy để hiện thực hóa mục đích nói trên thì cần phải có phương tiện hữu hiệu mà phương tiện hữu hiệu ấy không phải có gì đó trừu tượng mà chính là hệ thống bài tập và phương pháp tối ưu để sử dụng hệ thống bài tập đó.

Từ khóa - bài tập; phương tiện hữu hiệu; hình thành; năng lực; giao tiếp.

Abstract - In recent years, modern methods of teaching - learning foreign languages have confirmed that the position of communication - personalization is a key point of teaching - learning a foreign language and the basic purpose of the teaching - learning is to know and use language as a means of communication. In other words, the basic purpose, the ultimate purpose of teaching-learning a foreign language for any targeted person is forming and developing in the learner a communicative competence. Reality has shown that is obvious. Thus, in order to actualize the above purpose, there should be an effective means, which is not something abstract but an exercises system and an optimal method to use that system.

Key words - exercise; effective way; form; competence; communicate.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển khách quan của ngành giáo học pháp ngoại ngữ tất nhiên luôn dẫn tới sự tìm kiếm một phương pháp dạy - học mới, có hiệu quả cao hơn. Trong thực tế, phương pháp dạy học ngoại ngữ đã trải qua một chặng đường dài trên con đường tìm kiếm một phương pháp có hiệu quả cao hơn nhằm góp phần thiết thực nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc dạy - học ngoại ngữ. Trên con đường tìm kiếm ấy, các phương pháp sau không những không phủ nhận mà còn kế thừa một cách biện chứng những thành tựu đã đạt được của các công trình trước đó.

Trong những năm gần đây phương pháp hiện đại dạy - học ngoại ngữ đã khẳng định quan điểm giao tiếp - cá thể hóa là quan điểm chủ đạo của dạy - học ngoại ngữ và mục đích cơ bản của việc dạy - học là nắm vững và sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện giao tiếp, hay nói cách khác, cái đích cuối cùng của dạy - học ngoại ngữ là năng lực giao tiếp. Bởi vậy hệ thống bài tập (HTBT) đóng vai trò rất quan trọng. Nó là nội dung cơ bản nhất trong hoạt động dạy - học ngoại ngữ. Từ đó suy ra muốn dạy - học ngoại ngữ đạt kết quả cao cần có hai điều kiện tối cần thiết: a) Phải có một HTBT đáp ứng được những nhu cầu của giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại - HTBT phù hợp với những điều kiện khách quan và chủ quan của một đối tượng người học cụ thể; b) Phải có một phương pháp tối ưu để sử dụng HTBT ấy [8-5].

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, theo quan điểm của chúng tôi, trước hết phải xác định được vai trò và bản chất của HTBT nói chung và các bài tập nói riêng với những yêu cầu về mặt giáo học pháp. Trên cơ sở đó xây dựng được một HTBT dưới ánh sáng của phạm trù mục đích và quan điểm giao tiếp - cá thể hóa gắn với một đối tượng cụ thể, trong một giai đoạn học tập cụ thể, bởi lẽ chỉ

khi có một HTBT thỏa đáng thì mới có thể đưa ra được những kiến giải hợp lý để sử dụng chúng một cách có hiệu quả. Đây cũng chính là những vấn đề mà chúng tôi muốn đưa ra cùng trao đổi trong khuôn khổ nội dung bài viết này.

2. Tại sao hệ thống bài tập là phương tiện hữu hiệu để hình thành và phát triển năng lực giao tiếp?

Sở dĩ không phải là một yếu tố nào khác mà chính HTBT là phương tiện đáng tin cậy để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp vì:

- Trong lý luận dạy - học và ngay cả giáo học pháp người ta gọi sách giáo khoa là phương tiện dạy - học. Vậy ta thử hỏi nếu việc dạy - học ngoại ngữ thiếu sách giáo khoa thì liệu điều đó có nghĩa là việc dạy - học ngoại ngữ không sử dụng phương tiện hay không? Tất nhiên là không vì nếu thiếu phương tiện thì không thể đạt được mục đích. Từ đó suy ra sách giáo khoa không phải là phương tiện mà chỉ là một trong những yếu tố để tổ chức giờ học trong đó có chứa đựng cả phương tiện dạy - học. Phương tiện đích thực của dạy - học ngoại ngữ là bài tập hay nói đúng hơn là HTBT. Chỉ có việc hoàn thành các bài tập mới dẫn tới mục đích, còn sự thiếu vắng các bài tập là sự thiếu vắng một định hướng có mục đích của việc dạy - học [1-36].

- Theo quan điểm tâm lý học, điều chủ yếu của dạy - học ngoại ngữ không phải là nắm vững kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ bằng con đường học thuộc các quy tắc ngôn ngữ khác nhau và cũng không phải ở chỗ hình thành các kỹ năng, kỹ xảo lời nói này hay lời nói khác bằng con đường lặp lại nhiều lần cùng một hiện tượng ngôn ngữ mà ở chỗ phát triển ở người học khả năng hiểu lời nói và diễn đạt tư tưởng của mình bằng tiếng nước ngoài. Để làm được việc đó thì phần lớn thời gian và sức lực chủ yếu trong giờ học ngoại ngữ phải dành cho những bài tập tương ứng nhằm

vào một mục đích cụ thể.

- Bài tập là thành tố chủ yếu - thành tố quyết định hiệu quả của việc dạy - học hoạt động lời nói bởi vì trong các bài tập hoạt động đã được mô hình hóa và kỹ năng, kỹ xảo lời nói cũng được hình thành và phát triển.

- Trong giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại, người ta đánh giá cao vai trò trội hơn hẳn của các bài tập ở tất cả các cấp độ, trong tất cả các lĩnh vực của việc dạy học. Đó là một nguyên tắc, mà bản chất của nó nằm ở chỗ bất kỳ một sự giảng giải ngữ liệu mới nào cũng cần phải được kết thúc bằng bài tập, bởi lẽ chính các bài tập đã chỉ ra cho ta thấy hiện tượng ngôn ngữ ấy được chức năng hóa và được sử dụng trong lời nói để giải quyết những nhiệm vụ giao tiếp như thế nào.

- Việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp trước hết gắn liền với các bài tập phong phú đa dạng trong chừng mực phương tiện của một hoạt động nào đó được lĩnh hội trên cơ sở tâm lý học và được tự động hóa chỉ trong quá trình tham gia vào hoạt động đó và trong quá trình vận dụng nó nhiều lần [5-54].

Những điều phân tích trên đây cho phép chúng ta đi đến kết luận: Mục đích của việc dạy - học ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp - cá thể hóa là năng lực giao tiếp, mà muốn có năng lực giao tiếp thì phải luyện tập. Luyện tập không chỉ bằng một bài tập, vì nếu chỉ một bài tập không thể cho ta một kết quả như mong muốn, thậm chí ngay khi chỉ để đạt được một mục đích riêng nào đó trong một khoảng thời gian nhất định nào đó. Bởi vậy cần phải có HTBT, hay nói cách khác các bài tập cần nằm trong một hệ thống nhất định. Điều kiện cần thiết và phương tiện quan trọng nhất để hiện thực hóa tính giao tiếp như một khuynh hướng chủ đạo của dạy - học ngoại ngữ hiện đại là hệ thống bài tập bằng tiếng nước ngoài [9-45]. Để làm sáng tỏ kết luận trên, ở đây chúng tôi không có tham vọng bàn nhiều về những vấn đề cụ thể như tiêu chí để phân loại bài tập, các loại và các dạng bài tập cũng như những yêu cầu cụ thể đối với từng loại, dạng bài tập... mà chỉ đưa ra và làm rõ hai trong nhiều vấn đề mang tính khái quát như sau:

- Hệ thống bài tập là gì? Những điều kiện cần và đủ để hình thành HTBT?

- Những yêu cầu cơ bản về mặt giáo học pháp đối với việc sử dụng HTBT ấy.

3. Khái niệm “hệ thống bài tập” và “bài tập” trong dạy - học ngoại ngữ hiện đại

3.1. Khái niệm “hệ thống bài tập”

Tính quan trọng của hệ thống bài tập là ở chỗ nó đảm bảo cho việc tổ chức quá trình dạy học. Theo K. D. USINSKI: “Tính hệ thống của bài tập là cơ sở đầu tiên và quan trọng nhất đảm bảo cho hiệu quả của chúng...” Việc lựa chọn và biên soạn hệ thống bài tập có hiệu quả cao hơn là một trong những vấn đề trọng tâm của giáo học pháp ngoại ngữ.

Trong tâm lý học, vấn đề bài tập được xem xét trong mối quan hệ trực tiếp với thuyết hoạt động, với quá trình rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo lời nói. Trong lĩnh vực sử dụng và nghiên cứu khái niệm “hệ thống bài tập” không có sự thống nhất hoàn toàn. Có nhiều thuật ngữ khác nhau như

“tổ hợp bài tập”, “hệ thống bài tập nhỏ”, “hệ thống bài tập riêng”, “hệ thống bài tập chung”...[4-63]. Rõ ràng trong trường hợp này khái niệm “hệ thống bài tập” không phải là một. Và điều đó hoàn toàn có thể giải thích được vì sau mỗi thuật ngữ ấy có đối tượng thực tế khác nhau. Trong quá trình dạy - học chúng ta thường tổ chức:

- Tự động hóa một thuật ngữ riêng biệt nào đó (một lượng từ nhất định, một dạng ngữ pháp, hay nâng cao chất lượng một kỹ năng lời nói...)

- Một mặt nào đó của hoạt động lời nói.

- Nắm một mặt nào đó của hoạt động lời nói.

- Nắm giao tiếp một cách tổng thể.

Việc sử dụng tất cả các trường hợp trên cùng một thuật ngữ “hệ thống” không chỉ dẫn tới sự lẫn lộn về mặt thuật ngữ mà còn dẫn tới khả năng không thể giải quyết được những vấn đề thuần túy về mặt thực hành. Ví dụ, thiết lập những yêu cầu đối với cấp độ này hay cấp độ khác của hệ thống mà những yêu cầu thì không còn nghi ngờ gì nữa sẽ khác nhau, bởi vì mỗi cấp độ có mục đích riêng. HTBT hiểu theo N.I.GES, đó là việc tổ chức các hành động học tập có liên quan chặt chẽ với nhau theo trình tự tăng lên của sự phức tạp về mặt ngôn ngữ và thao tác, đồng thời có tính đến sự liên tục hình thành các kỹ năng, kỹ xảo lời nói và đặc điểm của các hành vi lời nói tồn tại trong thực tế.

HTBT không phải được vận dụng như nhau cho những khóa học, những điều kiện, những giai đoạn học tập... khác nhau. Những thông số chủ yếu của hệ thống bài tập như tính liên tục, điều kiện qua lại, liều lượng, mối quan hệ và tính chu kỳ... nhận được những nội dung khác nhau.

HTBT nói chung, HTBT khẩu ngữ nói riêng cần phải đảm bảo:

a. Việc lựa chọn những bài tập cần thiết phải phù hợp với đặc tính của kỹ năng này hay kỹ năng khác.

b. Xác định trình tự cần thiết của các bài tập: Việc nắm ngôn ngữ trải qua các giai đoạn trên cơ sở những nguyên tắc của tâm lý học và những quy tắc giáo học pháp nhất định.

c. Xác định rõ mối quan hệ giữa các bài tập ở dạng này hay dạng khác vì điều đó giúp ta xác định hiệu quả rõ ràng hơn so với trình tự đúng của các bài tập.

d. Tính thông dụng của ngữ liệu cần thiết.

e. Mối quan hệ qua lại hợp lý (mối quan hệ và sự tác động qua lại) trên tất cả các cấp độ của hệ thống (giữa các dạng của hoạt động lời nói, trong chúng và giữa các kỹ năng giao tiếp tổng thể).

3.2. Khái niệm “bài tập”

Bài tập là gì? Liệu có phải bất kỳ “sự làm” một cái gì đó đều là bài tập hay không? Tất nhiên là không vì:

- Thứ nhất, trong các bài tập luôn có mục đích. Điều quan trọng hơn cả vẫn là xác định được mục đích chính của mỗi bài tập.

- Thứ hai, bài tập không phải là “sự làm” không có trật tự mà nó phải được tổ chức một cách đặc biệt.

- Thứ ba, bài tập luôn luôn hướng tới sự hoàn thiện, ở mức độ tối thiểu hay là hướng tới sự lặp lại nhiều lần các hành động. Nhưng trong việc học nếu chỉ một bài tập thì

không thể cho ta kết quả cuối cùng. Vì vậy, các bài tập cần phải đưa vào các hệ thống. Bài tập là “sự thực hiện nhiều lần các hành động nhất định hay những dạng hoạt động lời nói với mục đích nắm vững chúng, dựa trên sự hiểu biết có kèm theo việc kiểm tra và điều chỉnh một cách có ý thức (Theo A.V. Petropski).

Từ những quy luật chung của quá trình luyện tập - những quy luật được thể hiện mang tính đặc trưng trong phương pháp dạy - học ngoại ngữ ta thấy điều quan trọng là phải nhấn mạnh những điểm như sự bắt buộc phải có kiến thức, sự hiểu biết những nguyên tắc chung của hành động, sự đa dạng của hành động, sự đa dạng của khối lượng và trình tự giới thiệu các ngữ liệu để luyện tập, những tình huống đa dạng trong khi vận dụng những kỹ xảo cần rèn luyện.

Tiếp xúc với những công trình của giáo học pháp ngoại ngữ, chúng ta gặp sự phong phú và đa dạng của các thuật ngữ đặc trưng cho bài tập: bài tập ngôn ngữ và bài tập lời nói, bài tập luyện tập và bài tập sáng tạo, bài tập phân tích và bài tập tổng hợp, bài tập tiền giao tiếp và bài tập giao tiếp, bài tập giao tiếp giả định và bài tập giao tiếp thực... [4-72].

Tính đa dạng của thuật ngữ, mặt khác giải thích lịch sử phát triển của vấn đề, một mặt giải thích được những quan niệm khác nhau về quá trình dạy học ngoại ngữ. Nó đồng thời cũng chỉ ra những cơ sở để phân loại các bài tập. Đó là cơ sở ngôn ngữ học, cơ sở tâm lý học và cơ sở giáo học pháp thuần túy.

Những yêu cầu chung đối với tất cả các dạng bài tập:

a. Tất cả các bài tập cần phải phù hợp với giai đoạn học tập nhất định, chúng cần thực hiện chức năng minh họa, chức năng giảng giải và chức năng kiểm tra.

b. Tất cả các bài tập cần nhằm vào một mục đích nhất định.

c. Các bài tập cần đa dạng, tránh đơn điệu về hình thức và nghèo nàn về số lượng.

d. Tỷ lệ các bài tập lời nói và bài tập ngôn ngữ cũng như trật tự giữa chúng cần phải được phân bố hợp lý trên cơ sở chú ý tới cả nội dung, cả hình thức ngôn ngữ và ưu tiên phát triển cả kỹ năng lời nói.

e. Chúng cần phải là phương tiện tin cậy để nâng cao hiệu quả của việc dạy - học ngoại ngữ nói chung và khẩu ngữ nói riêng.

4. Những yêu cầu cơ bản về mặt giáo học pháp đối với việc sử dụng HTBT trong quá trình hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp

Xem xét từ thực tế của việc dạy - học ngoại ngữ hiện nay và dựa trên cơ sở lý luận của phương pháp hiện đại dạy - học ngoại ngữ có thể đưa ra một số yêu cầu sau đối với việc sử dụng HTBT:

- Phải có mối quan hệ qua lại về sự hiểu biết lẫn nhau giữa tác giả biên soạn sách giáo khoa, trong đó có HTBT, với thầy và sinh viên - những người trực tiếp sử dụng HTBT ấy. Nghĩa là để sử dụng HTBT có hiệu quả thì thầy và sinh viên cần phải hiểu được những ý đồ và những yêu cầu của tác giả đối với cả cuốn sách cũng như đối với HTBT trong cuốn sách ấy.

- Vai trò và nhiệm vụ của người thầy trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập. Những phương thức và

thủ thuật mà thầy đưa ra phải phù hợp với những phương thức và thủ thuật của sinh viên nhằm giúp họ tự giác, độc lập và sáng tạo khi giải các bài tập.

- Việc ra các bài tập, ra đề kiểm tra, đề thi của thầy cũng phải phù hợp với những điều kiện học tập của sinh viên. Cần tránh giảng giải những lý thuyết dài dòng hoặc luyện tập một cách máy móc, không mang nội dung thông báo.

- Phải tính đến tính cá thể và tính vừa sức của sinh viên trong khi ra các bài tập và giải các bài tập. Từ việc hiểu được những đặc điểm tâm lý - cá thể và trình độ cũng như năng lực của sinh viên, người thầy có thể chia sinh viên của lớp ra thành các nhóm khác nhau. Trên cơ sở đó đưa ra những bài tập vừa sức và những thủ thuật hợp lý đối với từng nhóm sinh viên.

- Vai trò và nhiệm vụ của sinh viên khi thực hiện các bài tập dưới sự hướng dẫn của thầy. Nghĩa là sinh viên cần xác định chính bản thân mình là trung tâm của giờ học và của quá trình dạy - học. Bởi vậy, họ luôn luôn phải chủ động sáng tạo trong việc thực hiện các bài tập ở nhà cũng như ở trên lớp dưới sự hướng dẫn và gợi ý của thầy.

- Xác định mục đích yêu cầu của mỗi nhóm, mỗi loại bài tập. Mỗi nhóm bài tập cần phải hướng tới một năng lực nhất định (Năng lực ngôn ngữ, năng lực lời nói, năng lực giao tiếp, năng lực đất nước học...)

- Cần phải đưa ra được các phương thức và các thủ thuật để giới thiệu cũng như thực hiện các bài tập của mỗi nhóm và mỗi loại. Trước khi tiến hành công việc trên, cần phải phân loại các bài tập theo những tiêu chí nhất định và chọn ra các bài tập điển hình cho mỗi nhóm, mỗi loại.

- Tiến hành miêu tả những bước và những thao tác cụ thể khi thực hiện các bài tập.

- Đưa các dạng và các loại bài tập dạy khẩu ngữ (gồm có bài tập để rèn luyện kỹ năng giao tiếp và tỷ lệ giữa chúng) để minh họa bằng các phương thức và thủ thuật đã đưa ra ở trên.

- Dùng các phương thức và thủ thuật để giải các bài tập dạy bút ngữ (bao gồm các bài tập ngôn ngữ và bài tập giao tiếp).

Trong những năm gần đây, tại Khoa Tiếng Nga của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, các giảng viên của chúng tôi đã vận dụng 10 yêu cầu về mặt giáo học pháp với việc sử dụng hệ thống bài tập để hình thành và phát triển các kỹ năng lời nói: nghe, nói, đọc viết. Sau khi đưa vào vận dụng, chúng tôi đã học và rút kinh nghiệm để vận dụng và bổ sung cho phù hợp với đối tượng là sinh viên chuyên tiếng Nga ở năm thứ nhất và năm thứ hai. Kết quả bước đầu cho thấy các kỹ năng giao tiếp được hình thành và rèn luyện ở sinh viên có vận dụng những yêu cầu về mặt giáo học pháp nêu trên trở nên bền vững hơn, nhất là đối với khẩu ngữ.

Cụ thể là từ năm học 2014-2015, để đáp ứng những yêu cầu thiết thực của sinh viên chuyên tiếng Nga sau khi ra trường có nhiều cơ hội tìm việc làm, Hội đồng chuyên môn của Khoa Tiếng Nga đã quyết định thay đổi giáo trình dạy học. Chúng tôi đã sử dụng giáo trình “Con đường vào nước Nga” do Nhà xuất bản “Tiếng Nga” phát hành tại Matxcova, nhưng đưa thêm vào nhiều chủ điểm liên quan

trực tiếp đến du lịch Việt Nam như: Địa lý du lịch Việt Nam, Nền văn minh sông Hồng, Ẩm thực Việt Nam,... Cùng với sự thay đổi giáo trình, giảng viên đã áp dụng triệt để 10 yêu cầu về giáo học pháp trong hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nói chung, đặc biệt là bài tập dạy nói.

Do việc thay đổi giáo trình, vận dụng những kiến giải mới về giáo học pháp chỉ mới thực hiện được trong thời gian 3 học kỳ, nên chúng tôi chưa thể đưa ra một kết luận đầy đủ trên cơ sở thực nghiệm về mặt khoa học, nhưng bước đầu có thể nói sự lựa chọn này là đúng hướng và có nhiều triển vọng.

5. Kết luận

Việc biên soạn một HTBT nói chung và HTBT dạy từng dạng của hoạt động lời nói (nghe, nói, đọc, viết) nói riêng cho một đối tượng riêng biệt và cho từng giai đoạn học tập cụ thể là việc làm cần thiết không chỉ đối với những người biên soạn sách giáo khoa mà còn cả với những người thầy trực tiếp đứng lớp. Thực tế đã chỉ ra rằng chất lượng và hiệu quả của việc dạy - học ngoại ngữ sẽ thực sự được nâng cao khi và chỉ khi có được một HTBT cần và đủ cũng như một phương pháp tối ưu để sử dụng HTBT ấy. Đây là một việc làm, theo chúng tôi, hoàn toàn không đơn giản, nó đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của tác giả biên soạn giáo trình với những người thầy, những sinh viên, học sinh - những người trực tiếp làm nên thành bại của quá trình

dạy học ngoại ngữ. Việc làm này cũng cần nhận được sự chỉ giáo của các nhà chuyên môn cũng như sự cổ vũ động viên, đóng góp những ý kiến xác đáng của tất cả những ai quan tâm đến lĩnh vực dạy học ngoại ngữ của nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Đình Tổng, “Phạm trù mục đích dưới ánh sáng của phương pháp giao tiếp - cá thể hóa trong việc dạy - học ngoại ngữ”, Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, Số 1 (1996).
- [2] Kasevich V.B, *Những yếu tố cơ sở của Ngôn ngữ học đại cương*, NXB Giáo dục, 1998 (bản dịch do Trần Ngọc Thêm chủ biên và hiệu đính).
- [3] F.D. Saussure. *Những cơ sở ngôn ngữ học đại cương* (bản dịch), NXB Giáo dục, Hà Nội (1970).
- [4] Idarencóp D.I, “Bộ bài tập trong hệ thống miêu tả”, *Tiếng Nga ở nước ngoài*, M, số 1 (1994).
- [5] Lê-ôn-chép A. N (chủ biên), *Phương pháp dạy học tiếng Nga*, M. (1998).
- [6] Mitrôphanôva O. Đ, Côxtômarôp V.G, *Phương pháp giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ*, M. (1990).
- [7] Paxxốp E.I., *Những cơ sở của giáo học pháp giao tiếp dạy - học tiếng nước ngoài*, Matxcova, 1989.
- [8] Nguyễn Đình Luận, “Vấn đề phân loại bài tập theo việc hình thành kĩ năng lời nói giao tiếp bằng tiếng nước ngoài”, *Nga ngữ học Việt Nam*, số 9 (1999).
- [9] Nguyễn Văn Tụ, *Hệ thống bài tập dạy nói cho sinh viên chuyên tiếng Nga theo định hướng giao tiếp và phương pháp sử dụng chúng ở Đại học Huế*, Tóm tắt luận án tiến sĩ, Hà Nội (2001).

(BBT nhận bài: 21/03/2016, phản biện xong: 04/04/2016)